

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 960-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH

Về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm
1996 – 2000 phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Giao thông Vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc là huy động cho được nguồn lực của địa phương, của mọi thành phần kinh tế trong nước, ngoài nước, cùng sự hỗ trợ và đầu tư của Nhà nước để phát triển kinh tế - xã hội nhằm khai thác cho được mọi lợi thế về tiềm năng đất đai, khí hậu, rừng và khoáng sản v.v... của các tỉnh miền núi phía Bắc, từng bước cải thiện đời sống của đồng bào các dân tộc, giữ vững cân bằng sinh thái môi trường cho vùng và hạ lưu đồng bằng Bắc Bộ, tăng cường vị trí chiến lược về an ninh, quốc phòng, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc.

Điều 2. Định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 về phát triển kinh tế - xã hội miền núi phía Bắc trước hết là phát triển cơ sở hạ tầng trong đó: tập trung quy hoạch và huy động cho được mọi nguồn lực để xây dựng đường giao thông là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của các tỉnh miền núi trong thời kỳ 1996 - 2000.

Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông phải được đi trước một bước làm cơ sở cho việc quy hoạch, xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội khác, bố trí sắp xếp lại dân cư, định canh, định cư, xây dựng các trung tâm kinh tế, dịch vụ, văn hoá - xã hội, trung tâm xã, cụm xã, các chợ, chợ phiên v.v... tạo điều kiện thúc đẩy và bảo đảm cho các ngành kinh tế - xã hội miền núi phát triển và an ninh quốc phòng.

1. Phương hướng phát triển giao thông ở các tỉnh miền núi phía Bắc đến năm 2000 và chuẩn bị cho bước phát triển tiếp theo sau năm 2000 là:

a) Phải quy hoạch lại hệ thống giao thông bao gồm đường bộ, đường sắt, đường thủy, hàng không trong đó đường bộ là trọng tâm chủ yếu, bảo đảm có đường giao thông thông suốt cả bốn mùa (nhất là mùa mưa) phục vụ cho các vùng dân cư tập trung, các vùng kinh tế, các trung tâm văn hoá - xã hội, các huyện và trung tâm cụm xã, các tuyến vành đai biên giới, liên tỉnh và các trục đường giao thông nối với các tỉnh đồng bằng trung du Bắc bộ và thủ đô Hà Nội.

Giao Bộ giao thông Vận tải chủ trì cùng Ủy ban nhân dân các tỉnh miền núi lập quy hoạch, kế hoạch phát triển đường bộ đến trung tâm các huyện trình Thủ tướng Chính phủ duyệt trong tháng 6 năm 1997.

Ủy ban nhân dân các tỉnh duyệt quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông từ huyện đến các trung tâm cụm xã, xã trong quý I năm 1997 để sớm triển khai.

b) Đối với các tuyến đường giao thông do Trung ương đầu tư và quản lý, Bộ Giao thông Vận tải cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư lựa chọn thứ tự ưu tiên từ nay đến năm 2000 theo hướng: bố trí hợp lý và ưu tiên có trọng điểm trong kế hoạch Ngân sách

hàng năm và từ nguồn vốn ODA để đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp các trục đường quốc lộ, liên tỉnh lộ, tỉnh lộ và các trục đường quan trọng, cấp bách cho phát triển kinh tế và phục vụ dân sinh trong vùng.

c) Từ nay đến năm 2000 các tỉnh phải ưu tiên nguồn vốn Ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ của Trung ương để xây dựng, nâng cấp, cải tạo các tuyến đường từ trung tâm tỉnh đến trung tâm các huyện và từ huyện đến các vùng kinh tế, các trung tâm cụm xã trọng điểm và tuyến vành đai biên giới. Phải tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các huyện, xã có kế hoạch cụ thể tạo cho được thành phong trào quần chúng làm đường giao thông vì lợi ích kinh tế và phục vụ dân sinh của chính huyện mình, xã mình.

2. Việc xây dựng đường giao thông ở các tỉnh miền núi từ nay đến năm 2000 phải huy động mọi nguồn lực của nhân dân và địa phương là chủ yếu, có sự hỗ trợ của Nhà nước và tranh thủ sự hợp tác đầu tư của nước ngoài cụ thể là:

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh cần xây dựng phương án huy động cho được mọi nguồn lực trong dân (huy động mức đóng góp về tiền và lao động của mọi tầng lớp dân cư và mọi thành phần kinh tế) để làm đường, xin ý kiến cấp ủy và trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để thực hiện.

b) Bộ kế hoạch và đầu tư chủ trì cùng các Bộ giao thông vận tải tìm nguồn và cân đối kế hoạch đầu tư của Nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn của các tổ chức quốc tế khác v.v...) để đưa vào kế hoạch hàng năm, ngay từ năm 1997 và đến năm 2000.

c) Bộ Lao động thương binh và Xã hội chủ trì cùng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Giao thông Vận tải thống nhất phương án dành một phần thích đáng quỹ hỗ trợ xoá đói, giảm nghèo cho phát triển giao thông để thanh toán công lao động bằng lương thực hoặc bằng tiền cho các hộ thuộc diện xoá đói giảm nghèo tham gia làm đường giao thông để vừa xoá đói, giảm nghèo, vừa tạo công ăn việc làm cho các hộ được trợ cấp.

d) Trên địa bàn tỉnh cần phối hợp lồng ghép một số chương trình quốc gia trên địa bàn như chương trình 327, chương trình định canh định cư kinh tế mới, chương trình hỗ trợ một số vùng dân tộc đặc biệt khó khăn, chương trình có mục tiêu xây dựng trung tâm cụm xã, chương trình giải quyết việc làm v.v... phải dành một phần để làm đường giao thông như mục tiêu đã đề ra, đồng thời phục vụ cho chính chương trình, dự án đó.

đ) Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng Bộ Tài chính và các Bộ ngành có liên quan sớm nghiên cứu phương án điều chỉnh các chương trình quốc gia thuộc lĩnh vực phát triển kinh tế cho miền núi để tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, huy động sức dân và hình thức trả công lao động tham gia làm đường giao thông, nhất là lao động chưa có việc làm, thiếu việc làm, lúc nông nhàn để tạo điều kiện cho đồng bào vừa có việc làm, vừa có thu nhập góp phần xoá đói giảm nghèo, chấm dứt tình trạng phá rừng, đốt nương làm rẫy.

e) Bộ Giao thông Vận tải chọn một số tuyến đường giao thông làm thử việc đầu tư BOT, hoặc thực hiện đầu tư theo hình thức vốn ngân sách Nhà nước là 40%, vốn tín dụng của Ngân hàng là 30%, trái phiếu công trình và nguồn khác là 30%. Sau khi hoàn thành thu phí giao thông để hoàn vốn.

g) Khuyến khích và động viên các doanh nghiệp trong cả nước tự bỏ vốn đầu tư xây dựng phát triển giao thông, đặc biệt đối với địa bàn biên giới. Sau khi hoàn thành được thu phí giao thông để hoàn vốn. h) Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các địa phương nghiên cứu hình thành quỹ hỗ trợ phát triển giao thông nông thôn miền núi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trong năm 1997.

Điều 3. Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, cung cấp nước sạch, điện phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

1. Về thủy lợi:

Đầu tư thủy lợi ở các tỉnh miền núi phía Bắc chủ yếu là đầu tư để tạo điều kiện cho ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp, trước hết là sản xuất lương thực, đồng thời là tạo điều kiện góp phần thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác như định canh định cư, xoá đói giảm nghèo, bảo vệ và cải tạo môi trường.

Đến năm 2000, thủy lợi phải bảo đảm nước tưới cho 270.000 ha lúa mùa, 130.000 ha lúa xuân, 10.000 ha cây công nghiệp, cây ăn quả. Phát triển thủy lợi phải gắn với việc xây dựng hồ chứa nước, kết hợp với thủy điện nhỏ để cung cấp nước, điện cho đời sống và sản xuất ở những vùng thiếu nước, vùng sâu, vùng xa theo hướng:

Nâng cấp tu bổ và kiên cố các công trình và cụm công trình đầu mối, hoàn chỉnh các hệ thống kênh mương, để phát huy cao nhất hiệu suất các công trình hiện có.

Xây dựng một số công trình mới tại các khu vực sản xuất lương thực tập trung và có tiềm năng, kết hợp với việc cấp nước cho các cụm dân cư, thị trấn, thị xã, khu công nghiệp.

Tăng cường trồng cây rừng kết hợp với làm hồ chứa nước nhỏ, ruộng bậc thang nhằm bảo vệ tầng phủ, giảm lũ, giữ ẩm và tăng nguồn sinh thủy.

Nghiên cứu xây dựng kè bảo vệ các đoạn sông biên giới, kiểm soát nguồn nước và theo dõi chất lượng nước vào lãnh thổ Việt Nam.

Nhà nước đầu tư vốn Ngân sách cho việc xây dựng các công trình thủy lợi đầu mối, địa phương huy động nhân dân đóng góp công lao động để xây dựng, tu bổ các hệ thống kênh mương.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn lựa chọn các công trình có tính cấp bách, gắn với phát triển giao thông, bố trí lại dân cư, định canh định cư và phát triển thủy điện nhỏ v.v... để ưu tiên đầu tư từ nay đến năm 2000, lập kế hoạch cụ thể để bố trí nguồn vốn hàng năm để triển khai ngay từ năm 1997.

2. Về cấp nước sinh hoạt:

Mục tiêu đến năm 2000 phải bảo đảm 60% số dân được dùng nước sạch và sau năm 2000 toàn bộ số dân có đủ nước sinh hoạt hợp vệ sinh bằng những giải pháp hồ chứa nước, giếng khoan, đào giếng mới, mạch lộ, bể chứa nước mưa, bể lọc chậm, các hệ thống tự chảy kể cả biện pháp di chuyển dân từ nơi không có nguồn nước đến ven trục đường giao thông có nguồn nước.

Việc đầu tư giải quyết nước sinh hoạt ở các tỉnh miền núi trước hết phải khai thác, tận dụng được các nguồn nước từ các công trình thủy lợi, thủy điện, ưu tiên các nguồn vốn ODA, tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức từ thiện và nguồn lực của nhân dân để thực hiện mục tiêu đề ra.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chủ trì cùng với Bộ Kế hoạch và Đầu tư có quy hoạch và phương án cụ thể chỉ đạo thực hiện chương trình này.

3. Về điện:

Đến năm 2000 hoàn thành việc kéo lưới điện quốc gia đến các tỉnh lý, huyện lý, các trung tâm cụm xã để đạt được 60% số xã có điện. - Đối với số xã còn lại kết hợp với việc sắp xếp bố trí lại dân cư đến nơi có đường giao thông, có điện, phải nghiên cứu phát triển các dự án thủy điện nhỏ, cực nhỏ và nguồn năng lượng khác để đồng bào vùng dân tộc và miền núi được dùng điện trong sản xuất và sinh hoạt.

Việc xây dựng, cải tạo nguồn điện, lưới điện (cao, trung, hạ thế), để đưa điện về các cụm dân cư thì thực hiện theo cơ chế Nhà nước và nhân dân cùng làm. Bộ Công nghiệp, Tổng công ty điện lực Việt Nam phải có kế hoạch và dự án cụ thể theo hướng:

Đối với nguồn điện và lưới điện cao thế: Nhà nước cân đối từ nguồn vốn Ngân sách, vốn ODA, vốn vay tín dụng của Nhà nước. Đối với lưới điện trung thế do Ngân sách trung ương, Ngân sách địa phương đầu tư là 30% - 40%, vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi là 30%, số còn lại phát hành trái phiếu công trình và các nguồn khác.

Đối với lưới điện hạ thế khuyến khích, huy động mọi nguồn lực (vốn, công lao động) của nhân dân ở địa phương để xây dựng, đa dạng hoá các loại hình tổ chức trong việc xây dựng và quản lý lưới điện như: Ban quản lý điện, Hợp tác xã điện, Công ty điện tư nhân ... để đưa điện đến hộ gia đình và cụm dân cư.

Gắn việc hình thành các cụm dân cư với việc xây dựng, cải tạo lưới điện đến cụm dân cư. Đối với các khu vực đồng bào dân tộc sống quá xa, thưa dân kết hợp với việc di chuyển đến nơi có làng, bản hoặc ven đường giao thông có điện với việc tìm nguồn tài trợ nhân đạo cho phát triển nguồn điện tại chỗ (thủy điện nhỏ, cực nhỏ, điện gió, điện mặt trời...).

Điều 4. Quy hoạch và bố trí dân cư, định canh, định cư, xoá đói giảm nghèo.

1. Quy hoạch và bố trí dân cư phải dựa vào quy hoạch phát triển hệ thống giao thông và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 1996 - 2000 của địa phương, đối với vùng biên giới phải kết hợp phát triển kinh tế với an ninh quốc phòng để hình thành, bố trí các cụm dân cư, các thị trấn, thị tứ, các Trung tâm cụm xã, các vùng kinh tế hàng hoá cho phù hợp.